

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2012/NQ-HĐND

Thừa Thiên Huế, ngày 11 tháng 7 năm 2012

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí sử dụng**  
**Cảng cá Thuận An**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**  
**KHOÁ VI, KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và Lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 8 năm 2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Sau khi xem xét Tờ trình số 2836/TTr-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí sử dụng Cảng cá Thuận An; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Tán thành và thông qua mức thu, quản lý và sử dụng phí sử dụng Cảng cá Thuận An với các nội dung chủ yếu sau:

**1. Đối tượng nộp phí và không nộp phí:**

- Đối tượng nộp phí sử dụng cảng cá là các tổ chức, cá nhân có hàng hoá, phương tiện sử dụng tại khu vực Cảng cá Thuận An.

- Không thu phí đối với tàu thuyền vào neo, đậu để tránh lụt, bão tại Cảng cá Thuận An.

**2. Mức thu:**

<b>TT</b>	<b>Đối tượng thu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Mức phí</b>
<b>I</b>	<b>Tàu, thuyền đánh cá cập cảng</b>		
1	Tàu, thuyền có công suất từ 6 đến 12CV	đồng/lần vào ra cảng (không quá 12 giờ)	5.000
2	Tàu, thuyền có công suất từ 13 đến 30 CV	đồng/lần vào ra cảng (không quá 12 giờ)	10.000
3	Tàu, thuyền có công suất từ 31 đến 90 CV	đồng/lần vào ra cảng (không quá 12 giờ)	20.000
4	Tàu, thuyền có công suất từ 91 đến 200 CV	đồng/lần vào ra cảng (không quá 12 giờ)	30.000
5	Tàu, thuyền có công suất lớn hơn 200 CV	đồng/lần vào ra cảng (không quá 12 giờ)	40.000
<i>Nếu quá thời gian quy định nhưng không ra khỏi cảng thì phải nộp phí lưu bến, bãi, cầu cảng bằng 30% mức thu phí/lượt cho mỗi 12 giờ tiếp theo.</i>			
<b>II</b>	<b>Tàu thuyền vận tải cập cảng</b>		
1	Có trọng tải dưới 5 tấn	đồng/lần vào ra cảng	10.000
2	Có trọng tải từ 5 đến 10 tấn	đồng/lần vào ra cảng	20.000
3	Có trọng tải trên 10 tấn đến 100 tấn	đồng/lần vào ra cảng	50.000
4	Có trọng tải trên 100 tấn	đồng/lần vào ra cảng	80.000
<b>III</b>	<b>Các phương tiện vận tải ra vào cảng</b>		
1	Phương tiện có trọng tải dưới 1 tấn	đồng/lần vào ra cảng	5.000
2	Phương tiện có trọng tải từ 1 đến 2,5 tấn; phương tiện dưới 12 chỗ ngồi (dùng để chuyên chở)	đồng/lần vào ra cảng	10.000
3	Phương tiện có trọng tải trên 2,5 đến 5 tấn; phương tiện trên 12 chỗ ngồi (dùng để chuyên chở)	đồng/lần vào ra cảng	15.000
4	Phương tiện có trọng tải trên 5 đến 10 tấn	đồng/lần vào ra cảng	20.000
5	Phương tiện có trọng tải trên 10 tấn	đồng/lần vào ra cảng	25.000
<b>IV</b>	<b>Xe máy, xích lô, ba gác chở hàng</b>		
1	Tính cho 01 lần vào, ra cảng	đồng/lần vào ra cảng	1.000
2	Tính theo tháng	đồng/tháng	15.000
<b>V</b>	<b>Hàng hoá qua cảng</b>		
1	Hàng thuỷ hải sản, động vật sống	đồng/tấn	10.000
2	Dịch vụ nước đá qua cảng	đồng/tấn	3.000
3	Hàng khác	đồng/tấn	4.000

**3. Chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí:**

Thực hiện theo quy định của Luật Quản lý thuế; Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC.

Cảng cá Thuận An được trích lại 90% (chín mươi phần trăm) trên tổng số tiền phí thu được để trang trải cho việc quản lý cảng cá theo chế độ quy định; 10% (mười phần trăm) còn lại phải kê khai và nộp vào ngân sách nhà nước theo chương, mục, tiểu mục tương ứng của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

**Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2012 và thay thế Nghị quyết số 1e/2004/NQBT-HĐND5 ngày 07 tháng 9 năm 2004 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thu phí Cảng cá Thuận An; Điểm 1.2, Khoản 1, Điều 1, Nghị quyết số 3h/2006/NQBT-HĐND ngày 10 tháng 4 năm 2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh về bổ sung và ban hành mới một số loại phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.

**Điều 3.** Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh kiểm tra, giám sát thực hiện Nghị quyết theo nhiệm vụ quyền hạn đã được pháp luật quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế khoá VI, kỳ họp thứ 4 thông qua./.

**CHỦ TỊCH****Nguyễn Ngọc Thiện**